TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/DS - ST
Ngày: 30/9/2020.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.

2. Ông Nguyễn Thanh Rực.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buôl – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST – DS ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST - DS ngày 26 tháng 8 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị N, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/6/2020 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Nguyên vào năm 2019 tôi có tham gia chơi hụi do bà S làm đầu thảo. Có ba dây hụi:

Dây hụi ngày: mỗi chân hụi 50.000 đồng, tôi tham gia 60 chân. Có 124 người tham gia. Hụi khui ngày 08/9/2019 dương lịch. Tôi đã đóng được 64 ngày, đến ngày 10/11/2019 bà S bỏ đi, không gom hụi. Tôi đã đóng được 64 ngày với số tiền là 172.800.000 đồng.

Dây hụi tháng: mỗi tháng 2.000.000 đồng, khui tháng 01 lần vào ngày 20; tôi tham gia 01 chân. Có 26 người tham gia. Hụi khui ngày 20/5/2018 âm lịch. Tôi

đã đóng được 18 lần, đến ngày 10/11/2019 bà S bỏ đi, không gom hụi. Tôi đã đóng được 18 lần với số tiền là 36.000.000 đồng.

Dây hụi tháng: mỗi tháng 2.000.000 đồng, khui tháng 01 lần vào ngày 20; tôi tham gia 01 chân. Có 26 người tham gia. Hụi khui ngày 20/02/2019 âm lịch. Tôi đã đóng được 08 lần, đến ngày 10/11/2019 bà S bỏ đi, không gom hụi. Tôi đã đóng được 08 lần với số tiền là 16.000.000 đồng.

Tổng cộng ba dây hụi 224.800.000 đồng; bà S đã trả cho tôi được 23.850.000 đồng, còn nợ lại 200.095.000 đồng, nhưng tôi chỉ yêu cầu trả 200.000.000 đồng.

Nay bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị S có trách nhiệm hoàn trả cho cho bà N số tiền còn nợ lại là 200.000.000 đồng.

- Đối với bị đơn bà Trần Thị S thì sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng, triệu tập bà S để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác, nhưng không thể thực hiện được thủ tục cấp, tống đạt, thông báo trực tiếp cho bà S được vì bà S đã bỏ địa phương đi và không thông báo cho Tòa án và nguyên đơn biết việc đã thay đổi địa chỉ nơi cư trú và địa chỉ nơi cư trú mới, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 70, khoản 1 Điều 72, khoản 3 Điều 177 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà S theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bà Trần Thị S đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N, buộc bà Trần Thị S hoàn trả cho bà số tiền hụi là 200.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2020 và tại phiên tòa hôm nay, bà N yêu cầu bà S có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hụi là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Do vậy xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi theo điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại điểm a,

khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn có trách nhiệm hoàn trả một lần số tiền nợ hụi là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Xét thấy: Tại biên bản xác minh ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện L, đại diện ban nhân dân ấp S, xã T, huyện L,tỉnh Sóc Trăng cung cấp thông tin như sau: " *Tổ hòa giải tại ban nhân dân ấp S có nhận được các đơn yêu cầu của các hụi viên, yêu cầu hòa giải đối với số tiền hụi mà bà S còn thiếu. Tổ hòa giải có tiến hành hòa giải giữa các bên và có lập các biên bản làm việc đối với vụ việc hụi tranh chấp. Bà Trần Thị S có mặt và có ký tên vào các biên bản làm việc tại Ấp. Cụ thể, bà Trần Thị S thừa nhận còn thiếu các hụi viên: bà Lâm Quế T với số tiền: 13.775.000 đồng; bà Phan Thị Thanh H với số tiền 22.680.000 đồng; ông Lê Thanh V với số tiền 56.700.000 đồng; bà Đặng Thị Mỹ P với số tiền 11.300.000 đồng; bà Lê Thị P với số tiền 42.525.000 đồng; bà Huỳnh Thị L với số tiền: 114.000.000 đồng; bà Trần Thị N với số tiền 224.000.000 đồng*". Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, có thể khẳng định bị đơn còn thiếu nguyên đơn bà Trần Thị N số tiền hụi là 224.000.000 đồng. Nguyên đơn cho rằng bị đơn chỉ mới thanh toán được 23.850.000 đồng, còn nợ lại 200.095.000 đồng, nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn hoàn trả 200.000.000 đồng. Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, trong đó có nêu rõ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia hòa giải và công khai chứng cứ, nhưng bị đơn không tham gia cũng không có văn bản phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền còn thiếu 200.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 và Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N: Buộc bà Trần Thị S có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bà Trần Thị N có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Trần Thị S còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị S phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Trần Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0006048 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà